

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
VĂN HÓA SÔNG NƯỚC Ở ĐÔNG NAM Á
BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN**

**THE RIVER CULTURES IN SOUTHEAST ASIA
PRESERVATION AND DEVELOPMENT**



**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2019**

20.	THE SPECIFIC CULTURAL VALUES OF PEOPLE IN THE CENTRAL COASTAL ZONE OF VIETNAM.....	196
	<i>NCS. Nguyễn Thị Hoài Phúc</i>	
21.	TÍN NGƯỠNG CẦU NƯỚC, CẦU MƯA Ở CHÂU THỔ SÔNG HỒNG....	205
	<i>TS. Vũ Diệu Trung</i>	
22.	TÍN NGƯỠNG VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ BÀ THỦY: BỐI CẢNH THAY ĐỔI CỦA CƯ DÂN VẠN ĐÒ TRÊN SÔNG HƯƠNG (HUẾ, VIỆT NAM)	215
	<i>ThS. Nguyễn Mạnh Hà</i>	
23.	DIFFERENCES IN ENVIRONMENTAL AWARENESS IN LEVEL OF EDUCATION AND BETWEEN ETHNIC GROUPS: A CASE STUDY OF TWO DISTRICTS IN CA MAU PENINSULA.....	226
	<i>Nguyen Hai Minh, BA; Nguyen Anh Minh, MA; Huynh Van Da, PhD</i>	
24.	TRI THỨC DÂN GIAN GẮN VỚI YẾU TỐ NƯỚC TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ.....	238
	<i>ThS. Lê Thị Diễm Phúc</i>	
	CHỦ ĐỀ 3. VĂN HÓA SÔNG NƯỚC VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	245
25.	TRANSFORMATION FROM A TOURISTIC DESTINATION TO A CITY OF CONTEMPORARY ART FOR THE INCLUSIVENESS OF THE LOCAL: THAILAND BIENNALE: KRABI 2018	246
	<i>Suppakorn Disatapundhu, Vimolluk Chuchat, Patcha Utiswannakul, Pibool Waijitragum</i>	
26.	CHARACTERISTICS OF THE WATER SPLASHING FESTIVAL IN LAO TOURISM DEVELOPMENT.....	255
	<i>Nguyen Thi Be Ba, MA; Lobphalak Outhitpanya</i>	
27.	BẢO TỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA SÔNG NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CHỢ NỔI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.....	264
	<i>PGS. TS. Đào Ngọc Cảnh</i>	
28.	ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ - VĂN HÓA CÙ LAO VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÙ LAO Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	273
	<i>PGS. TS. Đào Ngọc Cảnh, Trần Bá Cường</i>	
29.	PHIM ẢNH - HÌNH THỨC MARKETING HIỆU QUẢ CHO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	282
	<i>ThS. Nguyễn Ngọc Diệp</i>	

TÍN NGƯỠNG VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ BÀ THỦY: BỐI CẢNH THAY ĐỔI CỦA CƯ DÂN VẠN ĐÒ TRÊN SÔNG HUƠNG (HUẾ, VIỆT NAM)

ThS. Nguyễn Mạnh Hà¹

TÓM TẮT

*Bài viết này tìm hiểu về tín ngưỡng và tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cư dân vạn đò trên sông Hương trước và sau khi định cư trên đất liền. Qua đó cho chúng ta thấy được thay đổi về niềm tin và việc thực hành các nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng và tín ngưỡng thờ Bà Thủy của một bộ phận cư dân đặc thù của thành phố Huế: Cư dân thủy diện sông Hương***

Bài viết này, với phương pháp nghiên cứu cơ bản/phương pháp điền dã nhân học/dân tộc, chúng tôi tập trung lý giải sự thay đổi/biến đổi tín ngưỡng và tín ngưỡng thờ Bà Thủy. Sự thay đổi này chủ yếu do thay đổi về môi trường sống, nghề nghiệp, quan hệ xã hội... cũng như sự thích ứng văn hóa, tín ngưỡng của cư dân xét trên các mặt kinh tế, văn hoá và xã hội...

Từ khóa: Cư dân vạn đò sông Hương, tín ngưỡng, tín ngưỡng thờ Bà Thủy

1. DẪN NHẬP

Trong dòng chảy văn hóa Huế, tục thờ nữ thần (thờ Bà Chúa Xứ, chúa Tiên, chúa Ngọc, Cửu Thiên Huyền Nữ...), tục thờ Bà Thủy* bắt nguồn từ tục thờ Mẫu/một sinh hoạt tín ngưỡng có ảnh hưởng và pha trộn với tín ngưỡng thờ nữ thần của người Chăm/ thần Poh Nagar, kết hợp với thờ Liễu Hạnh từ phía Bắc đã tạo nên tín ngưỡng thờ Bà Thủy độc đáo của cư dân ở Thừa Thiên Huế, trong đó có một bộ phận cư dân vạn đò trên sông Hương.

Sống trong môi trường sông nước, cư dân vạn đò sông Hương có niềm tin và thực hành tín ngưỡng gắn với việc thờ Bà Thủy. Bà Thủy được cộng đồng cư dân này xem là nữ thần bảo trợ cho cuộc sống, buôn bán và làm ăn. Mặc dù họ theo nhiều tôn giáo (Thiên Chúa giáo, Phật giáo, thờ cúng ông bà

¹ Trường Đại học Khoa học Huế.

** Cư dân thủy diện sông Hương là cư dân sống trên mặt nước từ thượng đến hạ nguồn sông Hương, họ sống trên những chiếc thuyền và lập thành các vạn. Nghề nghiệp chủ yếu là đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, vận chuyển tre nứa, khai thác cát sạn và một bộ phận làm thuê, buôn bán nhỏ, đập xích lô...trên đất liền.

* Bà Thủy là vị nữ thần (thiên thần) mà nhân dân các địa phương tổ chức lễ cúng hằng năm. Ở nơi thờ phụng, hình tượng Bà Thủy trùm khăn trắng. Bà là người sáng tạo ra sông suối mà trước hết là nguồn nước uống của con người, nước để làm nông nghiệp, đánh bắt cá của cư dân vùng sông nước và miền biển.

tổ tiên¹...) nhưng thờ cúng Bà Thủy được coi là hình thức quan trọng nhất. Bà Thủy được cư dân vạn đò sông Hương thờ cúng vào các dịp lễ hội lớn của cộng đồng, cũng như các nghi thức liên quan trong đời sống của gia đình và cá nhân với mong muốn đem lại sự bình an, sức khỏe và may mắn...

Hiện nay, cộng đồng cư dân vạn đò sông Hương đã được định cư trên đất liền, theo đó tục lệ thờ cúng Bà Thủy đã có sự thay đổi ít nhiều so với trước đây sống trên sông nước. Bài viết này vì vậy tập trung tìm hiểu sự thay đổi niềm tin, tín ngưỡng, thực hành nghi lễ, đồ cúng tế... khi thay đổi về môi trường sống, nghề nghiệp, quan hệ xã hội... Qua đó tìm hiểu nguyên nhân, xu hướng thay đổi trong văn hoá của cộng đồng cư dân khi bối cảnh, môi trường và điều kiện sống thay đổi**.

2. TÍN NGƯỠNG VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ BÀ THỦY CỦA CƯ DÂN VẠN ĐÒ SÔNG HƯƠNG

2.1 Khái niệm tín ngưỡng

Theo tác giả Đặng Nghiêm Vạn, thuật ngữ “tín ngưỡng” có hai nghĩa: *“Nếu hiểu tín ngưỡng là niềm tin thì có một phần ở ngoài tôn giáo, nếu hiểu là niềm tin tôn giáo (belief, believe, theo nghĩa hẹp, croyance religieuse) thì tín ngưỡng chỉ là một bộ phận chủ yếu cấu thành của tôn giáo”* (Đặng Nghiêm Vạn, 2003).

Trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, khái niệm “tín ngưỡng” được hiểu: *“Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng”*. Và hoạt động tín ngưỡng là *“hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng thiêng liêng; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội”* (Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2016).

Từ những cách hiểu trên, chúng tôi cho rằng: Tín ngưỡng là hệ thống các niềm tin mà con người tin vào để giải thích thế giới, mang lại sự bình an cho cá nhân và cộng đồng.

2.2 Tín ngưỡng và tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cư dân vạn đò sông Hương

2.2.1 Tín ngưỡng và những kiêng kỵ của cư dân

¹ Theo khảo sát của chúng tôi năm 1999 tại khu vực 7 tổ 41 phường Vỹ Dạ trong số các hộ dân vạn đò theo Thiên chúa giáo: 02 hộ, Phật giáo: 30 hộ, Bà Thủy: 40 hộ, thờ ông bà tổ tiên: 146 hộ (Nguyễn Mạnh Hà, 1999).

** Cộng đồng cư dân liên quan đến nghiên cứu này là cộng đồng lên định cư trên đất liền từ những năm 1989 đến cuối năm 2012 tại 05 khu định cư ở các phường/xã: Phước Vĩnh (1989), Kim Long (1995), Phú Hậu (1998), Hương Sơ (2008) và thôn Lại Ân (2009) thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong tín ngưỡng thờ các nữ thần ở Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng, có lẽ khó có vị nữ thần nào được thờ ở các loại hình di tích đa dạng và nghi lễ phong phú như tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cư dân vạn đò trên sông Hương. Về danh xưng, bà Thủy được gọi bằng một số mỹ tự: Thủy Long thần nữ, Thủy Long Thánh Mẫu, Thủy đức Thánh Phi, Thủy Long nương nương, Bà Thủy Long, cách gọi dân dã như bà Lớn (Vũng Tàu), bà Lớn Tướng (Phú Quốc), bà Thủy Tề (Quảng Nam-Đà Nẵng) (Trần Thị An, 2015).

Tác giả Ngô Đức Thịnh, khi nói về nữ thần này, đã khắc họa như sau: *“Vị thần này thể hiện tính lưỡng diện, một mặt, Bà là nơi ngư dân gửi gắm sự bảo trợ của mình trong những chuyến đi biển đầy thách thức và may rủi, mặt khác, nếu làm điều gì “xúc phạm” tới Bà, như thả các vật dụng xuống “thủy cung”, cứu người đã bị Bà chìm chết để trừng phạt, không làm các nghi lễ “vớt vong” hay “chուộc vong”... thì Bà lại trở thành vị ác thần đáng sợ”*(Ngô Đức Thịnh, 2007).

Khác với ngư dân biển và đầm phá, cư dân vạn đò sông Hương không “ra khơi vào lộng”, không nuôi trồng thủy hải sản mà họ chỉ đánh bắt, khai thác thủy sản trên sông Hương, vùng ngã ba sông nên họ luôn phải đối mặt với sông nước, bão lũ, bất trắc trong cuộc sống. Cư dân cư trú tạm bợ trên thuyền nên họ đặt niềm tin vào nhiều thần linh, chỗ dựa tinh thần cho cuộc sống mưu sinh. Cư dân vạn đò sông Hương còn thực hành một hệ thống tín ngưỡng của cộng đồng của cư dân nông nghiệp (Tế Thành Hoàng, Lễ cúng rào, Lễ tế ở đình vạn) và ở các gia đình (thờ cúng ông bà, tổ tiên, lễ cầu an trong họ...). Đặc biệt hơn là những tín ngưỡng liên quan việc thờ cúng Bà Thủy trong cúng tết thuyền, ngư cụ, lễ mở nước, cúng đầu năm mới và lễ hạ thủy... mang tính chất đặc thù của cư dân thủy diện; cụ thể cư dân này còn cúng tế các nghi lễ sau đây:

- Tế Thành Hoàng: Hàng năm cư dân trên sông Hương tổ chức lễ tế Thành hoàng vào ngày rằm tháng 2 âm lịch. Đứng ra tổ chức lễ là Ban lễ nghi của vạn, họ là những người cao niên, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, làm ăn và có đời sống kinh tế khá giả trong vạn. Lễ này không khác biệt so với lễ tế ở đình làng. Mỗi dòng họ, gia đình vào làm lễ thì chiêm trống lại nổi lên. Những lễ vật sẽ được dọn ra và mời bà con, họ hàng trong vạn, cũng như các các vạn cận cư trong buổi lễ này.

- Lễ cúng rào: Lễ cúng rào của cư dân trên sông Hương về mặt ý nghĩa cũng tương tự như lễ cúng thổ thần, đất đai của cư dân nông nghiệp. Với mục đích cầu mong mùa màng bội thu, may mắn đến với gia đình, cộng đồng. Lễ cúng rào thường được tổ chức vào những ngày đầu năm hoặc cuối năm. Người đứng ra tổ chức lễ cúng rào thường là ông vạn trưởng hay một người cao niên, có uy tín trong cộng đồng. Lễ vật trong lễ cúng rào bao gồm: trầu cau, rượu, hương hoa...

- Lễ tế ở đình vạn: Ngoài các am, miếu trên các bãi bồi trên sông ở khu vực phường Kim Long, Vỹ Dạ, Phú Bình..., mỗi vạn đều có một ngôi đình chung dùng để thờ tự. Trong các đình thì đình vạn An Hội được mọi người biết nhiều nhất (mảnh đất nhỏ ở góc chợ Đông Ba- gần cầu Gia Hội). Đây là ngôi đình duy nhất trong 11 vạn đò trên sông Hương có một ngôi đình nghiêm trang như các ngôi đình làng khác trên đất liền (Phan Hoàng Quý, 1999). Trong đình có bài vị của ngài Thành hoàng, có bàn thờ Phật, ngoài đình có miếu thờ Thổ thần, Bà Thủy, Am ngũ hành thờ các thần: Kim-Mộc-Thủy -Hoả -Thổ và am ngoài cùng thờ những oan hồn đi lạc...

- Thờ cúng tổ tiên, ông bà: Trước đây, khi còn sống dưới sông, cư dân đặt một bàn thờ trong khoang giữa bên lái (bên phải) trên thuyền để thờ cúng ông bà, cha mẹ. Trên bàn thờ đều có lư hương và các đồ thờ tự đèn, hoa...

- Lễ cầu an trong họ: Đây là lễ đặc thù của cư dân trên sông Hương. Thông thường từ 6-12 năm trong họ tổ chức đàn chay để cầu an cho những người trong họ đã chết. Để làm vừa lòng những người đã chết thì chủ gia đình và thầy cúng bố trí bàn thờ Hà bá, thổ thần và các chư thần; ngoài các đồ cúng tế không thể thiếu mũ, quần áo, dày dép (bằng giấy) cùng các hình nhân... Mỗi người chết trong họ được tượng trưng bằng một hình nhân. Sau buổi lễ những vật dụng, hình nhân được đốt hay thả trôi sông tùy theo quan niệm của từng vạn đối với những người chết do oan uổng, rui ro hay bệnh tật...

- Cúng tết thuyền và ngư cụ: Chuẩn bị bước sang năm mới, cư dân trên sông Hương tùy theo từng hộ gia đình có điều kiện kinh tế khác nhau đều tổ chức lễ cúng tết thuyền để làm ăn, cư trú thuận lợi. Hộ lau chùi thuyền sạch sẽ, sắp xếp đồ đạc ngăn nắp trên thuyền. Đồ cúng bao gồm trầu, cau, rượu, hương hoa, sớ... Chủ thuyền khấn vái thần linh cầu xin sự phò trợ và mời thêm một số cụ già cao niên trong cộng đồng đến tham dự...

- Cúng đầu năm mới: Là lễ cúng trong những ngày tết âm lịch. Người ta chọn tuổi gia chủ, hợp mạng... chọn giờ, ngày đi và hướng đi cho từng chiếc thuyền. Lễ vật gồm: trầu cau, vàng bạc, giấy tiền, áo binh, sớ...

- Lễ hạ thủy: Là hình thức cúng thuyền mới (như lễ về nhà mới của cư dân trên đất liền). Trong cộng đồng có gia đình nào đóng thuyền mới hay thuyền du lịch thì họ tổ chức buổi lễ “ra mắt” cộng đồng. Chủ thuyền khấn vái với thần linh, thủy thần thông báo mình có thuyền mới và ăn mừng. Lễ vật trong lễ này gồm: Cau, trầu, rượu, hương hoa... và luôn có sớ cúng Bà Thủy. Đối với những thuyền du lịch mới thì lễ vật sẽ nhiều hơn như: Heo, gà, xôi, chè, trầu cau, hoa quả, bánh, rượu, bia...

Sống trong môi trường đặc thù, quan hệ với cộng đồng cư dân trên đất liền có phân biệt lập, cuộc sống sông nước bấp bênh và phụ thuộc điều kiện của tự nhiên nên cư dân có những kiêng kỵ:

- Khi gió bão, làm ăn không thuận lợi, cư dân sửa soạn đĩa hoa quả và thắp nhang lên bàn thờ tổ tiên, bàn thờ thủy thần để cầu mong Bà Thủy phù hộ cho tai qua nạn khỏi, gặp nhiều may mắn.

- Không được gọi tên các thần linh một cách vô cớ, như con rái cá thì người ta gọi là Ông Rái và khi đánh bắt cá người ta cũng không nói đến ông Hà Bá, Rái cá và các con Hồ, Mèo, Khi ở trên cạn...

- Kiên người lạ lên thuyền của mình, trên thuyền không được bước qua dây, ngư cụ đánh bắt cá cũng như khai thác cát sạn.

- Kiên phụ nữ mang thai lên thuyền, thăm người phụ nữ sinh nở hay phụ nữ hư thai, sảy thai lên thuyền khi đi làm nghề do lo sợ những điều không may mắn, bất trắc xảy ra trong quá trình làm nghề.

2.2.2 Thờ Mẫu và thờ Bà Thủy của cư dân vạn đò trên sông Hương

Tín ngưỡng thờ Mẫu khởi nguyên từ ý thức tưởng nhớ tổ tiên, xuất phát từ lòng tôn kính. Thờ Mẫu là loại hình tín ngưỡng dân gian được tích hợp bởi các lớp tín ngưỡng thờ Nữ thần, thờ Mẫu thần và thờ Tam Phủ - Tứ Phủ. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu, Mẫu Thủy là Mẫu Đệ tam, là vị thần âm tính được tôn vinh là Bà Thủy/Mẹ nước (gọi theo tiếng Quảng Đông là Mẫu Thoải).

Trong dòng chảy của tục thờ thần (thần suối, thần sông, thần biển...) nếu như cư dân ven biển miền Trung và vùng biển ở phía Nam có tục thờ cá Ông là một tín ngưỡng phổ biến thì cư dân trên sông Hương có tục thờ Bà Thủy. Tục thờ này đáp ứng nhu cầu và làm thỏa mãn ước vọng của cư dân, đem lại sự bình an, may mắn cũng như sức khỏe...

Cư dân trên sông Hương xem Bà Thủy là nữ thần bảo trợ cho cuộc sống, buôn bán và làm ăn. Dân vạn đò thờ Bà trong các dịp lễ hội chung của cộng đồng cũng như năm mới, mở đầu chu kỳ đánh bắt...Tục thờ Bà Thủy của cư dân trên sông Hương mang đậm giá trị nhân văn thể hiện khả năng ứng xử với điều kiện tự nhiên, sông nước.

Trong quan niệm dân gian về thủy giới có nhiều vị thần khác nhau và đặc biệt tác giả Nguyễn Hữu Thông cho rằng: *“Thủy Long thần nữ không nằm trong khung những vị thần của tín ngưỡng thờ Mẫu, mà là sản phẩm thuần đặc của cư dân gắn với sông nước. Và bản thân những vị thủy thần cũng là sản phẩm bị chi phối của từng địa phương trên cái nền cần ứng xử của con người với môi thủy vực cụ thể”* (Nguyễn Hữu Thông, 2000).

Như vậy, tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cư dân vạn đò sông Hương dựa trên nền tảng tín ngưỡng cư dân nông nghiệp, kết hợp với đạo thờ cúng tổ tiên và ảnh hưởng thờ Ngũ hành (sau này là đạo Mẫu, kết hợp với Thiên Y Ana). Vị trí bàn thờ Bà Thủy của cư dân trước đây được đặt ở đầu khoang thuyền hoặc một vị trí cao ráo trong thuyền, xa bếp và chỗ sinh hoạt. Cư dân thờ Phật ở phía trước, Bà Thủy ở phía sau. Trên bàn thờ có lễ vật gồm bánh, hoa quả và đặc biệt trong các ngày lễ thì hương và hoa không thể thiếu. Tại các vạn đò cư

dân đều dựa vào địa hình, cảnh quan của tự nhiên để lập nên các đền (am) trên các hòn đảo nhỏ, hoặc dựa vào bờ sông hay trên đất liền sát mép bờ sông để thờ Bà Thủy, Hà Bá và các vị chư thần...

Trong các nghiên cứu của Trần Thị An, Dương Hoàng Lộc, Trần Trọng Dương liên quan đến tín ngưỡng thờ Bà Thủy, cư dân biển và ngư dân ở Nam bộ đều lập miếu/dinh để thờ Bà Thủy. Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi thì cư dân vạn đò sông Hương không lập am/miếu thờ Bà Thủy. Theo lý giải của những thầy cúng, thủ am: *“Nghề nghiệp của họ gắn chặt với sông nước nhưng không quá nguy hiểm so với cư dân đi biển. Quá trình di cư, thay đổi chỗ ở để thuận lợi trong làm ăn, sinh sống và việc không có đất để lập các am miếu thờ Bà Thủy riêng như cư dân các vùng khác”**

Đối với cư dân trên sông Hương nghi lễ thờ Mẫu diễn ra hàng năm vào tháng 3 và tháng 7 âm lịch được tổ chức tại điện Hòn Chén có sự tham dự đầy đủ nhất của các vạn đò trên sông Hương. Lễ hội này tập trung các tín đồ trên mọi miền đất nước, không phân biệt giàu nghèo, sống trên đất liền hay sông nước. Lễ hội diễn ra hai ngày và những chiếc thuyền được kết thành những chiếc “bằng”**, được các tín đồ dựng lên đó các lều, miếu mạo, trang hoàng rực rỡ bằng những gam màu nóng (đỏ, vàng, hồng...) nhằm gây sự chú ý cho những đám rước xung quanh cũng như sự trang trọng của buổi lễ. Trên mỗi bằng có đội hầu văn riêng, mỗi vạn đò của cư dân trên sông Hương có từ 1-2 chiếc bằng tùy vào khả năng kinh tế của các thành viên trong vạn đóng góp về mặt kinh tế đến tham dự lễ hội để thể hiện lòng tôn kính.

Bà Thủy được cộng đồng cư dân vạn đò sông Hương coi là nữ thần chính bảo trợ cho cuộc mưu sinh trên sông nước. Cư dân sông Hương thờ Bà Thủy và thực hành các nghi lễ thường xuyên trong đời sống tín ngưỡng trong các lễ hội chung của cộng đồng như cúng năm mới, cúng trong các lễ hội... Ngoài thờ cúng Bà Thủy, cư dân vạn đò còn thực hiện nhiều nghi lễ tín ngưỡng trong năm như: Lễ đầu năm của chu kỳ đánh bắt, Lễ cúng ông tổ của nghề, Lễ cúng rằm tháng bảy, Lễ cúng Tam phủ... thực hiện các nghi lễ quan trọng này là Trưởng vạn và các thầy cúng.

2.3 Sự thay đổi môi trường, nghề nghiệp và tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cư dân vạn đò sông Hương

Định cư cư dân vạn đò trên sông Hương là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội được các cấp chính quyền địa phương ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và thành phố Huế nói riêng đặc biệt quan tâm. Theo số liệu điều tra, khảo sát của chúng tôi trong 200 hộ gia đình cư dân vạn đò trên sông

* Ý kiến ông Nguyễn Toàn (thủ am), Nguyễn Văn Thương (thầy cúng) cư dân vạn đò phường Kim Long tháng 8 năm 2019.

** Là 2 chiếc thuyền rồng được kết đôi với nhau, được trang hoàng lộng lẫy. Trên mỗi bằng sẽ có bàn thờ Thánh Mẫu cùng với long kiệu...

Hương tại 5 khu tái định cư (TĐC) thì tín ngưỡng của cư dân được thể hiện như sau:

Bảng 1: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và thờ Bà Thủy tại các khu TĐC

STT	Khu TĐC	Năm hình thành	Số hộ thờ cúng tổ tiên	Số hộ thờ Bà Thủy	Số lượng Am/điện
1	Phước Vĩnh	1989	40	5	0
2	Kim Long	1995	40	16	9
3	Bãi Dâu (Phú Hậu)	1998	40	3	0
4	Hương Sơ	2008	40	1	0
5	Lại Ân (Phú Vang)	2009	40	18	5
Tổng cộng			200	43	14

(Số liệu điều tra năm 2018-7/2019)

Qua bảng số liệu trên chúng ta có thể nhận thấy tại các khu TĐC, số hộ gia đình cư dân vận đò tham gia đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản và khai thác cát sạn theo tín ngưỡng thờ Bà Thủy cao hơn nhiều so với các hộ gia đình không làm những nghề truyền thống như trước đây. Tại các khu TĐC, tỉ lệ các hộ gia đình theo tín ngưỡng thờ Bà Thủy như sau: Lại Ân 45 %, Kim Long 40%, Phước Vĩnh 12,5%, Bãi Dâu 7,5% và Hương Sơ 2,5%. Điều đặc biệt tại khu TĐC Kim Long có 09 am điện và khu TĐC Lại Ân có 05 am điện.

Khảo sát về niềm tin của cư dân tại các khu TĐC, chúng tôi nhận được kết quả như sau:

Bảng 2: Niềm tin của cư dân trên sông Hương trước và sau TĐC về tín ngưỡng thờ Bà Thủy

STT	Khu TĐC	Tổng số hộ	Trước TĐC			Sau TĐC		
			Tin nhiều	Tin	Không tin	Tin nhiều	Tin	Không tin
1	Phước Vĩnh	40	35	5	0	7	25	8
2	Kim Long	40	38	2	0	20	19	1
3	Bãi Dâu (Phú Hậu)	40	32	8	0	15	18	7
4	Hương Sơ	40	30	10	0	20	10	10
5	Lại Ân (Phú Vang)	40	38	2	0	30	10	0
Tổng cộng		200	173	27	0	92	82	26

(Số liệu điều tra năm 2018-7/2019)

Qua Bảng 2 chúng ta có thể nhận thấy:

- Trước khi TĐC thì số lượng hộ gia đình rất tin và tin vào Bà Thủy, Thủy Thần chiếm 100%.

- Sau khi TĐC trên đất liền niềm tin của cư dân có sự thay đổi, số hộ không tin vào tín ngưỡng Bà Thủy ở các khu TĐC như sau: 25% hộ ở Hương Sơ, 20% hộ ở Phước Vĩnh, 17,5% hộ ở Phú Hậu, 2,5% hộ ở Kim Long và 0% hộ ở Phú Mậu.

Ông Trần Văn Thương, 60 tuổi cho biết: *“Trước đây, khi còn sống trên thuyền, đồ khi chưa lập gia đình ở chung với bố mẹ thì không thờ, khi tách hộ ở riêng trên thuyền lập bát nhang trên thuyền để cầu mong làm ăn thuận lợi, để tránh Tinh tà (ma quỷ). Sau này sinh sống trên đất liền thì thờ am cô am cậu trước nhà”** (Ảnh 1 và 2).



Am Cô, Am Cậu tại khu TĐC Phú Mậu

Việc lập am cô, am cậu trong khuôn viên nhà ở của cư dân trên sông Hương là nét riêng biệt trong tín ngưỡng của cư dân khi thay đổi môi trường sống. Điều này cũng được tác giả Trần Đại Vinh xem là nét độc đáo trong

* Am phía ngoài thờ Cậu, am phía trong thờ Cô là những vong linh của các người trong gia đình bị chết lúc còn nhỏ, những cô gái đồng trinh, người chết oan trong dòng họ... Trong mỗi am thờ một hay nhiều bát hương, một tách đựng nước, một cái đĩa đựng trầu, một quả bông nhỏ, một bình hoa, thêm một cây đèn. Để phân biệt được am Cô và am Cậu thì người ta dựa vào hình dáng và vật dụng thờ, am Cô có thêm gương và lược, am Cậu không có những thứ này. Am Cô hai bên có hai con phượng hoàng còn am Cậu là hai con ngựa.

văn hóa Huế: “Tùy vào điều kiện gia đình thì cư dân Huế còn thiết lập một am cô hay am cậu ngoài sân nhà để thờ phụng hương khói hay sóc vọng...Điều này thể hiện nét độc đáo trong văn hóa, tín ngưỡng cư dân Huế” (Trần Đại Vinh, 2017).

Qua khảo sát của chúng tôi tại 5 khu TĐC thì cư dân vạn đò trên sông Hương gia đình nào cũng lập các am cô, am cậu trước nhà dù là nhà riêng hay ở nhà liền kề hay nhà TĐC tại các khu định cư.

Như vậy, tín ngưỡng, niềm tin vào Bà Thủy của cư dân ít nhiều có sự thay đổi, cư dân đã ảnh hưởng ít nhiều các tín ngưỡng cư dân trên đất liền. Cư dân tổ chức các nghi lễ liên quan đến cộng đồng giống với cư dân trên đất liền như: Tết nguyên đán, Nguyên tiêu (15/1 âm lịch), cúng Đất (Mẫu Địa), Rằm tháng 7,... và cúng ngày 30 và rằm hàng tháng.

Mặt khác, cấu trúc các am thờ, sắp xếp bàn thờ của cư dân khi định cư trên đất liền không giống khi sống trên sông nước (trước đây chỉ bố trí trên mũi thuyền và trong khoang thuyền thì nay được đặt ở trong nhà và dựng các am ngoài trời). Có những gia đình có từ 3-5 cái am.

Số lượng cư dân vạn đò sông Hương tham gia các lễ ở đền, điện có giảm về mặt số lượng. Lễ vật so với trước đây không khác nhau nhiều nhưng có sự thay đổi về mặt số lượng đồ cúng tế như: Áo quan, tiền bạc, hình nhân...so với khi họ còn sống trên sông Hương.

Hiện nay, cư dân đã lập các am/điện ngay tại nhà để thực hành các nghi lễ liên quan đến Bà Thủy (Ảnh 9,10, 11 và 12).



Am nhà ông Nguyễn Văn Thương khu TĐC Kim Long

Điều này thể hiện dưới các góc độ sau:

- Niềm tin của cư dân vạn đò sông Hương vào các yếu tố huyền bí, linh thiêng, chữa bệnh tật, tai nạn, chết không rõ nguyên nhân vẫn còn, nhưng không tin tuyệt đối như trước đây.

- Sự thay đổi nghề nghiệp của cộng đồng cư dân vạn đò sông Hương đã ảnh hưởng đến tín ngưỡng thờ Bà Thủy nói riêng và thờ Mẫu nói chung. Do thay đổi nghề nghiệp mưu sinh từ đánh bắt cá, vận chuyển tre nứa, khai thác cát sạn trên sông sang đập xích lô, xe ôm, buôn bán nhỏ trên chợ... nên ông tổ nghề bây giờ không chỉ là ông tổ nghề cá (với cư dân làm ngư) mà có thêm ông tổ nghề thợ mộc, thợ nề... đã làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân vạn đò sông Hương trước và sau tái định cư.

3. KẾT LUẬN

- Tín ngưỡng và tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cư dân vạn đò trên sông Hương là một dạng tín ngưỡng dân gian, một giá trị văn hóa độc đáo ẩn chứa trong mình tín ngưỡng dân gian kết hợp với các yếu tố Nho - Phật - Lão của cư dân ở Việt Nam nói chung và cư dân vạn đò trên sông Hương nói riêng. Việc bảo tồn tín ngưỡng này là bảo tồn văn hóa của chính các chủ nhân sáng tạo văn hóa*.

- Tín ngưỡng thờ Bà Thủy thể hiện sự thích ứng văn hóa của cư dân khi thay đổi môi trường, điều kiện sống; đồng thời đó cũng là sự giao lưu/tiếp biến văn hóa. Sự tiếp biến này ít nhiều phụ thuộc vào ngành nghề có liên quan đến sông nước của cư dân sau khi TĐC. Điều này cho thấy cần nhận diện xu thế vận động/tìm ra các giá trị tâm linh để có các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và hạn chế các yếu tố mê tín dị đoan, cản trở sự phát triển của xã hội.

- Tín ngưỡng thờ Bà Thủy là nhu cầu văn hóa tâm linh của cộng đồng cư dân nên cần được nghiên cứu/tìm hiểu sâu hơn để phát huy các giá trị cũng như cách thức bảo tồn những giá trị độc đáo, ẩn mình trong loại hình tín ngưỡng này. Mặt khác, các giá trị của tín ngưỡng này có thể xem xét để phát triển các loại hình du lịch tâm linh đặc thù của cư dân vạn đò sông Hương (vốn được xem là cộng đồng cư dân yếu thế, ít nhiều bị xa lánh...) trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế, xã hội ở các vùng miền, biển đảo, đầm phá và sông nước ở miền trung Việt Nam.

* Hiện nay ở Thừa Thiên Huế đã thành lập Ban Bảo trợ và vận động Tín ngưỡng Thờ Mẫu Thừa Thiên Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An, 2015. *Bản sắc Nam bộ qua tục thờ nữ thần- Nghiên cứu trường hợp tục thờ Bà Thủy*. Tạp chí Khoa học số 8, 8/2015. Trường Đại học Văn Hiến.
2. Nguyễn Mạnh Hà, 1999. *Kinh tế và xã hội cư dân trên sông Hương Huế từ năm 1954 – 1975*. Luận văn Thạc sĩ. Đại học Khoa học, Đại học Huế.
3. Quốc hội nước CHXHCNVN, 2016. *Luật tín ngưỡng, tôn giáo*.
4. Phan Hoàng Quý, 1999. *Sinh hoạt những vạn đồ trên sông Hương trước 1975*. Nghiên cứu Huế tập 1. Trung tâm Nghiên cứu Huế.
5. Ngô Đức Thịnh, 2007. *Lên đồng hành trình của thần linh và thân phận*. NXB Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Hữu Thông, 2000. *Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Huế*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 3.
7. Đặng Nghiêm Vạn, 2003. *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
8. Trần Đại Vinh, 2017. *Tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Thừa Thiên Huế*. Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển. Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế.

BELIEFS AND BELIEFS ON WORSHIPING MOTHER OF WATER: THE CHANGING CONTEXT OF SAMPANIERS ON THE HUONG RIVER IN HUE, VIETNAM

Abstract: *This article explores beliefs and beliefs to worship Ba Thuy of sampaniers on the Huong River before and after settling on land. Findings indicate that there is a certain change of beliefs and the practice of rituals related to worship Ba Thuy of sampaniers on the Huong River.*

Using basic and anthropological approaches, this research focuses on explaining how beliefs and beliefs to worship of Ba Thuy change. This change is mainly due to the adjustment in living environment, occupation, social relations... as well as the adaptation of culture and beliefs of the inhabitants in terms of economic, cultural and social aspects...

Keywords: *Beliefs and beliefs on worshipping Mother of Water, Sampaniers of the Huong river*